TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 85/2023/DS-ST Ngày 04-5-2023. V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Hồng Ân.

Bà Đoàn Thị Sim.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 04 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 644/2022/TLST-DS, ngày 14 tháng 12 năm 2022, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2023/QĐXXST-DS, ngày 08 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Việt S, sinh năm 1977 (Có mặt).

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:*

1. Ông Lê Văn T, sinh năm 1965 (Vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1967 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã N, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 11 năm 2022 cùng các văn bản khác kèm theo và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Việt S trình bày: Vào ngày 11/9/2020 ông có cho ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị L vay số tiền 32.400.000

đồng, lãi suất thỏa thuận là 1,66%/01 tháng, thỏa thuận đến ngày 11/10/2020 thì ông T và bà L sẽ trả lại tiền cho ông, việc vay tiền có làm biên nhận do ông T trực tiếp ký tên và bà L điểm chỉ. Sau đó, đến ngày 14/10/2020 ông T và bà L có trả số tiền 2.700.000 đồng, ngày 03/12/2020 trả số tiền 2.700.000 đồng, ngày 09/02/2021 trả số tiền 2.700.000 đồng, ngày 12/3/2021 trả số tiền 2.700.000 đồng, ngày 19/6/2021 trả số tiền 1.750.000 đồng, ngày 03/3/2021 trả số tiền 2.700.000 đồng, ngày 13/4/2022 trả số tiền 2.700.000 đồng, ngày 05/5/2022 trả số tiền 2.700.000 đồng, ngày 18/6/2022 trả số tiền 2.700.000 đồng, ngày 18/7/2022 trả số tiền 5.050.000 đồng. Như vậy, ông T và bà L có trả cho ông được tổng số tiền vốn là 28.400.000 đồng, còn nợ lại 4.000.000 đồng đến nay không trả. Nay ông yêu cầu giải quyết buộc ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị L liên đới trả cho ông tổng số tiền vốn vay và lãi suất còn nợ là 6.108.000 đồng, trong đó tiền vốn là 4.000.000 đồng và tiền lãi là 2.108.000 đồng.

Bị đơn ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp L tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Việt S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc ông Nguyễn Việt S khởi kiện ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị L liên đới trả số tiền vay còn nợ nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị L cùng cư trú tại ấp G, xã N, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị L đã được triệu tập hợp L lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự nói trên là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về nội dung tranh chấp, ông Nguyễn Việt S yêu cầu giải quyết buộc ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị L liên đới trả cho ông Nguyễn Việt S số tiền vốn vay còn nợ là 9.050.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình ông S có cung cấp cho Tòa án một biên nhận nợ được lập vào ngày 11/9/2020 do ông T và bà L ký xác lập, nội dung thể hiện ông T và bà L có vay của ông S số tiền 32.400.000 đồng và thỏa thuận thời gian trả nợ vào ngày 11/10/2020 đúng như ông S đã khai. Tuy nhiên, sau đó ông T và bà L không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho ông S số tiền còn nợ mà chỉ trả được số tiền 28.400.000 đồng, còn nợ lại 4.000.000 đồng đến nay không trả. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông T và bà L đều không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do ông S cung cấp. Do đó, ông S khởi kiện buộc ông T và bà L chịu trách nhiệm liên đới trả số tiền vốn vay còn nợ là 4.000.000 đồng cho ông S là có căn cứ.

Đối với yêu cầu của ông S yêu cầu ông T và bà L trả tiền lãi với số tiền là 2.108.000 đồng thì tại biên nhận ngày 11/9/2020 thể hiện giữa các bên có thỏa thuận lãi suất, do đó việc ông S yêu cầu tính lãi là phù hợp. Thời gian tính lãi đối với số tiền 4.000.000 đồng, kể từ ngày 11/9/2020 đến ngày 04/5/2023 (ngày xét xử sơ thẩm) là 02 năm 07 tháng 23 ngày, mức lãi suất được tính là 20%/năm tương đương với số tiền lãi là 2.108.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền vốn và lãi mà ông T và bà L còn nợ ông Nguyễn Việt S là 6.108.000 đồng. Từ đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt S, buộc ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị L liên đới trả cho ông Nguyễn Việt S tổng số tiền vốn vay và lãi suất còn nợ là 6.108.000 đồng là có căn cứ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt S được Tòa án chấp nhận nên ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và L phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và L phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt S. Buộc ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị L liên đới trả cho ông Nguyễn Việt S tổng số tiền vốn vay và lãi suất còn nợ là 6.108.000 (Sáu triệu một trăm lẻ tám ngàn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị L phải chịu số tiền 305.000 đồng. Ông Nguyễn Việt S đã nộp tạm ứng án phí với số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, L phí Tòa án số 0018450 ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, nay hoàn trả lại toàn bộ cho ông Nguyễn Việt S.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp L.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hồng Huệ